

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

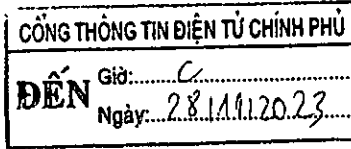
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *40* /2023/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày *24* tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt của
Công ty TNHH MTV Cấp nước Rông Phát**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4178/TTr-STC ngày 10 tháng 11 năm 2023.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cấp nước Rừng Phát.

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/tháng	Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt (đồng/m ³)
Nhóm 1	Hộ dân cư	Mức dưới 10m ³ /đồng hồ/tháng	7.800
		Mức từ trên 10m ³ -20m ³ /đồng hồ/tháng	8.600
		Mức từ trên 20m ³ -30m ³ /đồng hồ/tháng	9.200
		Mức từ trên 30m ³ /đồng hồ/tháng	9.800
Nhóm 2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo mức sử dụng thực tế	9.800
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo mức sử dụng thực tế	10.800
Nhóm 4	Tổ chức cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo mức sử dụng thực tế	11.800

Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa có phí bảo vệ môi trường và dịch vụ môi trường rừng.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Rừng

Phát và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ dân cư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Website Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- Báo Đồng Khởi, Đài PTTH Bến Tre;
- Phòng: TCĐT, TH, KT;
- Lưu: VT, XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam